**KẾ HOACH DẠY HỌC TUẦN 8**

***Ngày soạn:21/10/2022***

***Ngày giàng: Thứ hai ngày 24 tháng 10 năm 2022***

**Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt dưới cờ: Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**-** HS biết đánh giá kết quả hoạt động.

**-** Giáo dục truyền thống nhân đạo của dân tộc “ Thương người như thể thương thân”.

**-** Biết chia sẻ, trình bày, hợp tác cùng các bạn.

**-** Rèn ý thức tự lực, tự chủ.

**II. Đồ dùng**

**-** GV: Loa đài,….

**-** HS: HS được phân công các tiết mục văn nghệ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 1. Chào cờ**  **-** Liên đội trưởng lên điều khiển lễ chào cờ, nhận xét thi đua.  **-** Tổng phụ trách đội nhận xét .  **-** BGH lên phổ biến công tác tuần mới.  **\* Hoạt động 2: Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan.**  **-** Bước 1: Tổng kết:  + Số lượng đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan.  + Những thành tích nổi bật, hành động ấn tượng đáng học tập của những cá nhân, tập thể.  **-** Bước 2: Công bố giải thưởng của các Sao  **-** TPT đọc tên các Sao đạt thành tích xuất sắc lên sân khấu nhận quà lưu niệm.  + HT nhà trường lên trao tặng.  **-** TPT đội đọc tên những bạn có thành tích lên giao lưu với HS toàn trường.  **-** Các Sao nhi đồng chăm ngoan lên kể về những hành động tốt, yêu thương của mình và trả lời câu hỏi của các bạn trong trường.  **\* Hoạt động 3: Chơi trò chơi, dân vũ hoặc múa hát tập thể.**  **IV. ĐÁNH GIÁ:**  **-** GV phụ trách đánh giá ,nhận xét,tuyên dương các lớp có tinh thần hưởng ứng khi tham gia hoạt động.  **-** Nhận xét tinh thần, kỉ luật của các Sao. | **-** HS lắng nghe.  **-** Đại diện HS của các lớp.  **-** HS chia sẻ  **-** HS thực hiện.  **-**HS lắng nghe.  **-** HS thể hiện.  **-** HS chia sẻ. |

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 85: Bài 31** : **an ăn ân ( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng vấn an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn

có vấn an, ăn, ân; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã

đọc. Viết đúng vấn an, ân, ăn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vấn an, ăn, ân.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (các bạn học sinh trong cùng lớp) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tình huống các bạn giẫm phải chân

nhau khi xếp hàng vào lớp, cần nói lời xin lỗi).

**-** Trách nhiệm: HS có trách nhiệm với các bạn khi tham gia làm việc trong nhóm. Có ý thức thực hiện tốt nội quy lớp học.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ an, ăn, ân. Biết tô chữ an, ăn, ân.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- GV: Nắm vững đặc điểm phát âm ; cấu tạo và cách viết các vần *an, ăn, ân*; tìm hiểu nghĩa của từ *bạn thân, khăn rằn* để giải nghĩa cho HS. Câu Ngựa vằn và hươu cao cổ là đôi bạn thân viết vào bảng phụ.

- HS: bảng con ; phấn; bộ đồ dùng; vở Tập viết; SHS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS Đại** |
| **A. Hoạt động mở đầu (6’)**  - Ổn định tổ chức  ***1.Ôn và Khởi động*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố cho HS bài Ôn tập |  |  |
| **b.Cách tiến hành:** |  |  |
| - Cho HS đọc lại từ và câu tiết ôn tập | - 2 HS đọc từ, 2 HS đọc câu. | - HS đọc từ |
| - HS nhận xét bạn đọc. |  |  |
| - GV nhận xét. |  |  |
| ***2. Khám phá*** |  |  |
| ***\* Hoạt động 1****: Nhận biết* |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS nhận biết vần *an, ăn, ân* phát triển cho HS kĩ năng quan sát tranh. |  |  |
| **b Cách tiến hành:** |  |  |
| - HS quan sát tranh 74, GV hỏi: |  |  |
| + Em thấy những con vật nào trong trong tranh? | - HS nêu | - HS nêu |
| + Các con vật đó đang làm gì? | - Đang đứng cùng nhau. |  |
| - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung. |  |  |
| - GV nhận xét, chốt lại nội dung tranh. có 2 con vật là ngựa vẫn và hươu cao cổ. Các con vật đang tình cảm, quấn quýt bên nhau.. |  |  |
| - GV treo nội dung câu : Ngựa vằn và hươu cao cổ là đôi bạn thân. |  |  |
| - GV đọc câu. |  |  |
| - Cho HS đọc cá nhân, đồng thanh theo giáo viên. | - HS đọc cá nhân, đồng thanh theo giáo viên |  |
| - HS quan sát câu vừa đọc, rút ra vần mới học *an, ăn, ân.* |  |  |
| - GV ghi bảng tên bài *an, ăn, ân.* |  |  |
| *- Gv đọc mãu từng vần sau đó yêu cấu hs đọc* | - HS đồng thanh đọc, nhóm bàn | - HS đọc đồng thanh cùng các bạn. |
| ***\* Hoạt động 2: Luyện đọc*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS đọc được các vần *an, ăn, ân* tiếng, từ ngữ có chứacác vần *an, ăn, ân* . |  |  |
| **b Cách tiến hành:** |  |  |
| **2.1 Đọc vần** |  |  |
| **- So sánh các vần** |  |  |
| + GV giới thiệu vần *an, ăn, ân* |  |  |
| + Cho HS so sánh vần *ăn, ân* với *an* để tìm ra điểm giống và khác nhau. | - : Các vần giống nhau đều có *n* ở cuối. Khác nhau ở chữ đứng trước *a, ă, â.* | - Lắng nghe |
| + HS so sánh, trả lời. |  |  |
| + Các HS khác nhận xét. |  |  |
| + GV nhận xét, thống nhất câu trả lời : Các vần giống nhau đều có *n* ở cuối. Khác nhau ở chữ đứng trước *a, ă, â.* |  |  |
| **- Đánh vần các vần** |  |  |
| + GV hướng dẫn HS đánh vần các vần*( a – nờ - an, á – nờ - ăn, ớ - nờ - ân*). | + HS tiếp nối nhau đánh vần | + HS đánh vần |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cách đánh vần cho HS. |  |  |
| **- Đọc trơn các vần:** |  |  |
| + HS đọc trơn các vần *an, ăn, ân*, | -HS đọc theo bàn, nối tiếp | -HS đọc |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cho từng HS. |  |  |
|  | - Lớp đọc đồng thanh. | - HS đọc đồng thanh. |
| **- Ghép chữ tạo thành vần:** |  |  |
| + Cho HS lần lượt ghép các chữ cái để tạo thành các vần. |  |  |
| + GV lưu ý HS dựa và điểm giống nhau của các vần nên khi ghép chỉ việc tháo các âm đầu *a, ă* giữ lại *n.* |  |  |
| + HS đọc cá nhân, đồng thanh các vần vừa ghép. |  |  |
| ***2.2 Đọc tiếng:*** |  |  |
| ***- Đọc tiếng mẫu*** |  |  |
| + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: | - Hs vỗ tay theo mô hình |  |
| |  |  | | --- | --- | | b | an | | bạn | | |  |  |
| + GV nêu, ta có vần an, thử thêm b vào phía trước an và thêm dấu nặng đặt dưới a ta được tiếng gì ? | - Bạn |  |
| + HS dùng bộ chữ ghép, GV kết hợp gắn trên bảng. | - HS ghép chữ | - HS ghép chữ dưới sự hướng dẫn của gv |
| + GV đánh vần mẫu. |  |  |
| + HS đánh vần cá nhân, đồng thanh. Đọc trơn tiếng *bạn* | - cá nhân, đồng thanh. |  |
| ***- Đọc tiếng trong SHS*** |  |  |
| + GV lần lượt đưa các tiếng : *bản, nhãn, gắn, lặn, bận, gần* | - HS quan sát | - HS quan sát |
| + Cho HS tìm các vần mới học, HS tìm và nêu, đánh vần các tiếng. |  |  |
| + HS đánh vần cá nhân, đồng thanh các tiếng. | - HS đánh vần cá nhân, đồng thanh các tiếng. | - HS đánh vần được một số tiếng |
| + HS đọc trơn các tiếng ( nếu HS còn lúng túng, GV cho em đó đánh vần lại, rồi sau đó đọc trơn). |  |  |
| ***- Ghép chữ cái tạo tiếng*** |  |  |
| + GV cho HS phân tích lại mô hình tiếng ***bạn***, HS phân tích. | * Tổ, Dãy bàn |  |
| + GV nêu: Dựa vào mô hình trên, em hãy dùng vần ăn, ân ghép với chữ và dấu thanh để tạo thành tiếng mới. |  |  |
| + HS tiến hành ghép, phân tích, đánh vần và đọc trơn tiếng vừa ghép. | + HS ghép, phân tích, đánh vần và đọc trơn tiếng vừa ghép. |  |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| ***2.3 Đọc từ ngữ*** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *bạn thân, khăn rằn, quả mận.* Sau mỗi lần đưa tranh GV nêu câu hỏi để rút ra từ mới. |  |  |
| - HS trả lời, GV nhận xét, kết hợp ghi bảng từng từ. |  |  |
| *-* HS tìm tiếng có *vần an, ăn, ân* đánh vần, đọc trơn tiếng, từ. | - HS nêu- Phân tích, đọc trơn |  |
| - HS nhận xét bạn đọc. |  |  |
| - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ: *bạn thân( người luôn gần gũi đến với mình, giúp đỡ mình khi khó khă), khăn rằn: loại khăn quen thuộc của người dân Nam Bộ, thường có hai màu đen và trắng hoặc nâu và trắng).* | - HS nghe | - HS nghe |
| - Cho HS đọc lại toàn bộ từ : *bạn thân, khăn rằn, quả mận* | *-*HS đọc cá nhân,đồng thanh |  |
| ***\* Hoạt động 3: Viết bảng*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS viết được *an, ăn, ân* cỡ chữ vừa vào bảng con*.* |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  |  |
| - Viết vần ***an*** |  |  |
| + GV treo bảng phụ đã viết sẵn vần *an*. | - Đọc vần an | - Đọc vần an |
| + GV viết mẫu trên bảng lớp, vừa viết vừa nêu quy trình, HS theo dõi. | - Hs the0 dõi |  |
| + HS tập viết nét trên không để định hình cách viết. |  |  |
| + Lưu ý HS nét nối từ *a* sang *n*. |  |  |
| + HS viết vần *an* vào bảng con, GV theo dõi, hỗ trợ HS khi viết. | - HS viết bảng con  *an an* | - HS viết bảng con dưới sự hướng dẫn của gv  *an an* |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn. |  |  |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa chữ viết của HS. |  |  |
| - Viết vần ***ăn*** |  |  |
| + GV viết mẫu *ăn,* vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết. | - Hs nghe | - Hs nghe |
| + HS viết bảng con. | *ăn ăn* | *ăn ăn* |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét. |  |  |
| + HS viết vần *ăn* vào bảng. GV quan sát, chỉnh sửa cách cầm bút, tư thế ngồi viết của HS. |  |  |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - Viết vần ***ân*** | - HS đọc |  |
| + GV viết mẫu *ân,* vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết. |  |  |
| + HS viết bảng con. |  |  |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét. |  |  |
| + HS viết vần *ân* vào bảng. GV quan sát, chỉnh sửa cho HS. | *ân ân* | *ân ân* |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - Viết từ ngữ |  |  |
| + GV lần lượt viết bảng từ *bạn thân, khăn rằn,* kết hợp hướng dẫn quy trình viết. |  |  |
| - Viết từ bạn thân |  |  |
| - Nêu từ bạn thân gồm mấy chữ?Đó là những chữ gì, Nêu khoảng cách giữa các chữ, độ cao cao các chữ thế nào? | - Gồm 2 chữ bạn, thân. Khoảng cách từ chữ bạn đễn chữ thân cách nhau 1 ô li rưỡi. Độ cao có chữ b,h cao 5 ôli, chữ t cao 3 ô li các chữ còn lại cao 2 ô li. |  |
| GVHD: Từ bạn thân gồm 2 chữ viết chữ bạn trước sau đó cách 1 ô li rưỡi sau đó lia bút viết chữ thân. |  |  |
| + Cho HS viết vào bảng con. | * bạn thân |  |
| - Nêu từ khăn rằn gồm mấy chữ?Đó là những chữ gì, Nêu khoảng cách giữa các chữ, độ cao cao các chữ thế nào? | - Gồm 2 chữ khăn, rằn. Khoảng cách từ chữ khăn đễn chữ rằn cách nhau 1 ô li rưỡi. Độ cao có chữ k,h cao 5 ôli, chữ r cao 2,5 ô li các chữ còn lại cao 2 ô li. |  |
| GVHD: Từ khăn rằn gồm 2 chữ viết chữ khăn trước sau đó cách 1 ô li rưỡi sau đó lia bút viết chữ rằn. | khăn rằn |  |
| + Cho HS viết vào bảng con. |  |  |
| HS nhận xét chữ viết của bạn. |  |  |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **\* Khởi động : Cho cả lớp hát vui.** |  |  |
| ***\**** ***Hoạt động 4: Viết vở*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS viết được *an, ăn, ân* và từ *bạn thân, khăn rằn* vào vở Tập viết cỡ chữ vừa. |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  | - *an, ăn, ân .* |
| - Cho HS đọc lại các vần cần viết | - *an, ăn, ân .* |  |
| - GV nhận xét và nêu yêu cầu viết. |  | - HS viết vào vở dưới sự trợ giúp của gv |
| - HS thực hànhviếtvào vở Tập viết 1, tập một. | - HS viết vào vở |  |
| - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng quy trình. |  |  |
| - HS nhận xét bài viết của bạn. |  |  |
| - GV nhận xét và chỉnh sửa bài cho HS. |  |  |
| ***\**** ***Hoạt động 5: Đọc câu*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung tranh và đoạn văn ứng dụng, đọc được câu ứng dụng có vần *an, ăn, ân* |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  | - HS nghe |
| - GV đọc mẫu đoạn văn *Đàn gà cứ tha thẩn gần chân mẹ // Đã có mẹ che chắn,/ cả đàn chả sợ gì lũ quạ dữ//.* | - HS nghe |  |
| - HS đọc thầm lại đoạn văn, tìm tiếng có vần *an, ăn, ân* | - HS đọc thầm lại đoạn văn.Tiếng có vần an, ăn, ân: đàn,chắn, thẩn, gần |  |
| - HS đánh vần tiếng có *an, ăn, ân* sau đó đọc trơn tiếng. | - cá nhân, đồng thanh. |  |
| - HS đọc cá nhân, lớp đọc đồng thanh tiếng vừa tìm được. |  |  |
| - GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - GV cho HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc, GV hỏi: |  |  |
| + Đàn gà tha thẩn ở đâu? | - Gần chân mẹ |  |
| + Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ ? | - Đã có mẹ che chắn, bảo vệ. |  |
| - Vài HS trả lời, các HS khác nhận xét. |  |  |
| - GV thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| ***\*Hoạt động 6: Nói theo tranh*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS quan sát và nói được tình huống trong tranh. Đóng vai nói lời *xin lỗi* theo tình huống trong tranh. |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  |  |
| - Yêu cầu hs quan sát tranh sgk | HS quan sát tranh 1 phần Nói trong SHS( trang 75). |  |
| - GV đặt câu hỏi cho HS trả lời : |  |  |
| + Hà và các bạn đang làm gì ? | - Các bạn đang xếp hàng vào lớp. |  |
| + Có chuyện gì xảy ra? | - Nam giẫm phải chân Hà. |  |
| + Theo em, Nam sẽ nói gì với Hà? | - Nam xin lỗi Hà. |  |
| + Theo em, bạn Nam xin lỗi thế nào ? |  |  |
| - HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét, thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| - GV thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| - GV chia nhóm cho HS đóng vai theo tình huống Xếp hàng vào lớp, bạn sơ ý giẫm vào chân và nói lời xin lỗi bạn. | - HS tạo nhóm |  |
| - Đại diện nhóm lên đóng vai, các nhóm khác nhận xét. | - Đại diện nhóm lên đóng vai |  |
| - GV nhận xét, kết hợp nhắc nhở HS một số nội quy khi xếp hàng vào lớp: đứng thẳng hàng, không đùa nghịch, không giẫm vào chân bạn. |  |  |
| ***\*. Củng cố, dặn dò*** |  |  |
| - GV cho HS thi tìm tiếng có vần *an, ăn, ân.* | - HS thi tìm |  |
| - HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS nghe |  |
| - Dặn HS ôn lại bài, thực hành nói lời *xin lỗi* trong cuộc sống hằng ngày. |  |
|  |  |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (nếu có)**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**Bài 22: LUYỆN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép cộng đơn giản.

**II.Đồ dùng dạy học:**

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.

- Một số tình huống đơn giản đẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III.Hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HS Đại** |
| A. Hoạt động khởi động  HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tể gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” đề ôn tập *Bảng cộng trong phạm vi 10.* |  | - HS thực hiện được các phép tính dưới sự trợ giúp của bạn. |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).  Bài 2  - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng trong phạm vi 10 để* tính).  Bài 3  - Cho HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích họp trong mỗi dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà ghi sô 7 có các phép tính: 5 +2; 4+ 3 ;6+ 1 . | - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả của mỗi phép tính. Chia sẻ trước lớp. |
| - HS thực hiện |
|  | - HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thế đặt vào mỗi ngôi nhà. |
| - GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |  |
| **Bài 4.** Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh.  a)Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 10, nghĩa là: Nếu chọn trước một số thì cần tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 10. Dựa vào *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm số còn lại. Ví dụ: Nếu chọn số 9 thì số còn lại là 1; nếu chọn số 5 thì số còn lại phải là 5. | Chia sẻ trong nhóm. |
| b) Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. | - Chia sẻ trước lớp. |  |
| *Vỉ dụ:* Trong hộp có 5 chiếc bút màu. Bạn Lan bỏ thêm vào 3 chiếc. Trong hộp có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu? |  |
| Thực hiện phép cộng 5 + 3 = 8. Có 8 chiếc bút màu.  Vậy phép tính thích hợp là 5 + 3 = 8. |  |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |
| D.Củng cố, dặn dò  Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**TIẾNG VIỆT**

***Ngày soạn:22/10/2022***

***Ngày giàng: Thứ ba ngày 25 tháng 10 năm 2022***

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 87+88: Bài 32** : **on ôn ơn ( tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**:

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng vấn on, ôn ,ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vấn on, ôn ,ơn; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng vấn on, ôn ,ơn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vấn on, ôn ,ơn. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần on, ôn ,ơn có trong bài học. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Rừng xanh vui nhộn được gợi ý trong tranh; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng (trong đó có một số từ ngữ chửa vần on, ôn, ơn).

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết sự vật (khung cảnh rừng xanh, một số con vật sống trong rừng và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cảnh đẹp, vui nhộn của khu rừng vào buổi sáng).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về

rừng, về muông thú

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ **on ôn ơn** . Biết tô chữ **on ôn ơn.**

I**I.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- GV: Nắm vững đặc điểm phát âm ; cấu tạo và cách viết các vần *on, ôn, ơn* ; Câu *Sơn ca véo von: Mẹ ơi, con đã lớn khôn* và bài thơ *Bốn chú lợn con* viết vào bảng phụ

- HS: bảng con ; phấn; bộ đồ dùng; vở Tập viết; SHS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS Đại** |
| **A. Hoạt động mở đầu (6’)**  - Ổn định tổ chức  - Lớp 1A1 sĩ số 39 vắng: ….  ***1.Ôn và Khởi động*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố cho HS về vần an, ăn, ân |  |  |
| **b.Cách tiến hành:** |  |  |
| - Cho HS nhắc lại tên bài. | - 2 hs nêu |  |
| - Cho HS đọc lại vần, từ và đoạn văn ứng dụng của bài *an, ăn, ân.* | - Hs đọc bài. | - Hs đọc bài vần an, ăn, ân |
| - GV nhận xét. |  |  |
| ***2. Khám phá*** |  |  |
| ***\* Hoạt động 1****: Nhận biết* |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS nhận biết vần on ôn ơnphát triển cho HS kĩ năng quan sát tranh. |  |  |
| **b Cách tiến hành:** |  |  |
| - Yêu cầu hs quan sát tranh  - GV hỏi: | - HS quan sát tranh | - HS quan sát tranh |
| + Em thấy những gì trong trong tranh ? | - Một nhóm sơn ca đang hót trên cành cây; một nhóm khác đang viết bài. |  |
| - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung. |  |  |
| - GV nhận xét, chốt lại nội dung tranh. Tranh vẽ một nhóm sơn ca đang hót trên cành cây. Sơn ca hát: Mẹ ơi, con đã lớn khôn*.* Nhóm khác đang tập viết. |  |  |
| - GV treo nội dung câu : *Sơn ca véo von: Mẹ ơi, con đã lớn khôn* |  |  |
| - GV đọc câu. |  |  |
| - Cho HS đọc cá nhân, đồng thanh theo giáo viên. | - HS đọc cá nhân, đồng thanh theo giáo viên | - HS đọc đồng thanh theo giáo viên |
| - HS quan sát câu vừa đọc, rút ra vần mới học on ôn ơn*.* |  |  |
| - GV ghi bảng tên bài on ôn ơn*.* |  |  |
| *- Gv đọc mãu từng vần sau đó yêu cấu hs đọc* | - HS đồng thanh đọc, nhóm bàn |  |
| ***\* Hoạt động 2: Luyện đọc*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS đọc được các vần on ôn ơntiếng, từ ngữ có chứacác vần on ôn ơn. |  |  |
| **b Cách tiến hành:** |  |  |
| **2.1 Đọc vần** |  |  |
| **- So sánh các vần** |  |  |
| + GV giới thiệu vần on ôn ơn |  |  |
| + Cho HS so sánh vần on ôn ơnđể tìm ra điểm giống và khác nhau. | - : Các vần giống nhau đều có *n* ở cuối. Khác nhau ở chữ đứng trước *o, ô, ơ.* |  |
| + HS so sánh, trả lời. |  |  |
| + Các HS khác nhận xét. |  |  |
| + GV nhận xét, thống nhất câu trả lời : Các vần giống nhau đều có *n* ở cuối. Khác nhau ở chữ đứng trước *o, ô, ơ..* |  |  |
| **- Đánh vần các vần** |  |  |
| + GV hướng dẫn HS đánh vần các vần*( o – nờ - on, ơ – nờ - ơn, ô - nờ - ôn*). | + HS tiếp nối nhau đánh vần | + HS đánh vần |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cách đánh vần cho HS. |  |  |
| **- Đọc trơn các vần:** |  |  |
| + HS đọc trơn các vần *on, ơn, ôn*, | -HS đọc theo bàn, nối tiếp | -HS đọc |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cho từng HS. |  |  |
|  | - Lớp đọc đồng thanh. | - HS đọc đồng thanh. |
| **- Ghép chữ tạo thành vần:** |  |  |
| + Cho HS lần lượt ghép các chữ cái để tạo thành các vần. |  |  |
| + GV lưu ý HS dựa và điểm giống nhau của các vần nên khi ghép chỉ việc tháo các âm đầu *o, ơ, ô,* giữ lại *n.* |  |  |
| + HS đọc cá nhân, đồng thanh các vần vừa ghép. |  |  |
| ***2.2 Đọc tiếng:*** |  |  |
| ***- Đọc tiếng mẫu*** |  |  |
| + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: | - Hs vỗ tay theo mô hình |  |
| |  |  | | --- | --- | | c | on | | con | | |  |  |
| + GV nêu, ta có vần on, thử thêm c vào phía trước on ta được tiếng gì ? | - Ta được tiếng con. |  |
| + HS dùng bộ chữ ghép, GV kết hợp gắn trên bảng. | - HS ghép chữ | - HS ghép chữ |
| + GV đánh vần mẫu. |  |  |
| + HS đánh vần cá nhân, đồng thanh. Đọc trơn tiếng *con* | - cá nhân, đồng thanh. |  |
| ***- Đọc tiếng trong SHS*** |  |  |
| + GV lần lượt đưa các tiếng : *giòn, ngon, bốn, nhộn, gọn, lớn* | - HS quan sát | - HS quan sát |
| + Cho HS tìm các vần mới học, HS tìm và nêu, đánh vần các tiếng. |  |  |
| + HS đánh vần cá nhân, đồng thanh các tiếng. | - HS đánh vần cá nhân, đồng thanh các tiếng. | - HS đánh vần |
| + HS đọc trơn các tiếng ( nếu HS còn lúng túng, GV cho em đó đánh vần lại, rồi sau đó đọc trơn). |  |  |
| ***- Ghép chữ cái tạo tiếng*** |  |  |
| + GV cho HS phân tích lại mô hình tiếng ***con***, HS phân tích. | * Tổ, Dãy bàn |  |
| + GV nêu: Dựa vào mô hình trên, em hãy dùng vần ơn, ôn ghép với chữ và dấu thanh để tạo thành tiếng mới. |  |  |
| + HS tiến hành ghép, phân tích, đánh vần và đọc trơn tiếng vừa ghép. | + HS ghép, phân tích, đánh vần và đọc trơn tiếng vừa ghép. |  |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| ***2.3 Đọc từ ngữ*** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *nón lá, con chồn, sơn ca.* Sau mỗi lần đưa tranh GV nêu câu hỏi để rút ra từ mới. |  |  |
| - HS trả lời, GV nhận xét, kết hợp ghi bảng từng từ. |  |  |
| *-* HS tìm tiếng có *vần on, ơn, ôn* đánh vần, đọc trơn tiếng, từ. | - HS nêu- Phân tích, đọc trơn |  |
| - HS nhận xét bạn đọc. |  |  |
| - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ: “nón lá” nón lá là nón đội đầu truyền thống của người Việt Nam, làm bằng lá cọ, dùng để che nắng, che mưa,… Ngày nay, nón lá được xem là món quà đặc biệt cho du khách nước ngoài khi đến tham quan Việt nam.  - **Chim sơn ca** là loài chim nhỏ có kích thước bé bằng chim sẻ nhưng vẻ ngoài lại kém nổi bật · Mỏ hình chóp, mép mỏ trên và dưới trơn, mút mỏ trên và dưới trơn, mút mỏ trên có vết lõm... | - HS nghe | - HS nghe |
| - Cho HS đọc lại toàn bộ từ : *nón lá, con chồn, sơn ca.* | *-*HS đọc cá nhân,đồng thanh | *-*HS đọc |
| ***\* Hoạt động 3: Viết bảng*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS viết được *on, ơn, ôn* cỡ chữ vừa vào bảng con*.* |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  |  |
| - Viết vần ***on*** |  |  |
| + GV treo bảng phụ đã viết sẵn vần *on*. | - Đọc vần on | - Đọc vần on |
| + GV viết mẫu trên bảng lớp, vừa viết vừa nêu quy trình, HS theo dõi. | - Hs theo dõi | - Hs theo dõi |
| + HS tập viết nét trên không để định hình cách viết. |  |  |
| + Lưu ý HS nét nối từ *o* sang *n*. |  |  |
| + HS viết vần *on* vào bảng con, GV theo dõi, hỗ trợ HS khi viết. | - HS viết bảng con  *on on* | - HS viết bảng con dưới sự hướng dẫn của gv  *on on* |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn. |  |  |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa chữ viết của HS. |  |  |
| - Viết vần ***ơn*** |  |  |
| + GV viết mẫu *ơn,* vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết. | - Hs nghe | - Hs nghe |
| + HS viết bảng con. | *ơn ơn* | *ơn ơn* |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét. |  |  |
| + HS viết vần *ơn* vào bảng. GV quan sát, chỉnh sửa cách cầm bút, tư thế ngồi viết của HS. |  |  |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - Viết vần ***ôn*** | - HS đọc | - HS đọc |
| + GV viết mẫu *ân,* vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết. |  |  |
| + HS viết bảng con. |  |  |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét. |  |  |
| + HS viết vần *ôn* vào bảng. GV quan sát, chỉnh sửa cho HS. | *ôn ôn* | *ôn ôn* |
| + HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - Viết từ ngữ |  |  |
| + GV lần lượt viết bảng từ *con chồn, sơn ca,*kết hợp hướng dẫn quy trình viết. |  |  |
| - Viết từ con chồn |  |  |
| - Nêu từ con chồn gồm mấy chữ?Đó là những chữ gì, Nêu khoảng cách giữa các chữ, độ cao cao các chữ thế nào? | - Gồm 2 chữ con, chồn. Khoảng cách từ chữ con đến chữ chồn cách nhau 1 ô li rưỡi. Độ cao có chữ h cao 5 ôli, các chữ còn lại cao 2 ô li. |  |
| GVHD: Từ con chồn gồm 2 chữ viết chữ con trước sau đó cách 1 ô li rưỡi sau đó lia bút viết chữ chồn. |  |  |
| + Cho HS viết vào bảng con. | * con chồn |  |
| - Nêu từ sơn ca gồm mấy chữ?Đó là những chữ gì, Nêu khoảng cách giữa các chữ, độ cao cao các chữ thế nào? | - Gồm 2 chữ sơn, ca. Khoảng cách từ chữ sơn đễn chữ ca cách nhau 1 ô li rưỡi. Độ cao có chữ s cao 2,5 ôli, các chữ còn lại cao 2 ô li. |  |
| GVHD: Từ sơn ca gồm 2 chữ viết chữ sơn trước sau đó cách 1 ô li rưỡi sau đó lia bút viết chữ ca. | sơn ca |  |
| + Cho HS viết vào bảng con. |  |  |
| HS nhận xét chữ viết của bạn. |  |  |
| + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| **TIẾT 2** | |  | | **TIẾT 2** |
| **\* Khởi động : Cho cả lớp hát vui.** |  |  |
| ***\**** ***Hoạt động 4: Viết vở*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS viết được *on, ôn, ơn* và từ *con chồn, sơn ca* vào vở Tập viết cỡ chữ vừa. |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  |  |
| - Cho HS đọc lại các vần cần viết | - *on, ơn, ôn .* | - *on, ơn, ôn .* |
| - GV nhận xét và nêu yêu cầu viết. |  |  |
| - HS thực hànhviếtvào vở Tập viết 1, tập một. | - HS viết vào vở | - HS viết vào vở dưới sự trựo giúp của cô |
| - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng quy trình. |  |  |
| - HS nhận xét bài viết của bạn. |  |  |
| - GV nhận xét và chỉnh sửa bài cho HS. |  |  |
| ***\**** ***Hoạt động 5: Đọc câu*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung tranh và đoạn văn ứng dụng, đọc được câu ứng dụng có vần *on, ơn, ôn* |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  |  |
| - GV đọc mẫu bài vè *Bốn chú lợn.* | - HS nghe | - HS nghe |
| - HS đọc thầm lại bài vè, tìm tiếng có vần *on, ơn, ôn* | - HS đọc thầm lại đoạn văn.Tiếng có vần *on, ơn, ôn*: con, lợn, nhởn, giỡn |  |
| - HS đánh vần tiếng có *on, ơn, ôn* sau đó đọc trơn tiếng. | - cá nhân, đồng thanh. |  |
| - HS đọc cá nhân, lớp đọc đồng thanh tiếng vừa tìm được. |  |  |
| - GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - GV cho HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc, GV hỏi: |  |  |
| + Có mấy chú lợn con trong bài ? | - có 4 chú lợn con | - HS trả lời: có 4 chú lợn con |
| + Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chú lợn con ?  Theo em, các chú lợn con có đáng yêu không? Vì sao ?  GV giải thích từ “ *Trư*”( Trư Bát Giới, một nhân vật trong phim Tây Du kí có bụng to tròn). | - vô tư, lo tròn |  |
| - Vài HS trả lời, các HS khác nhận xét. |  |  |
| - GV thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| ***\*Hoạt động 6: Nói theo tranh*** |  |  |
| **a. Mục tiêu:** HS quan sát và nói được tình huống trong tranh. |  |  |
| **b. Cách tiến hành:** |  |  |
| - Yêu cầu hs quan sát tranh sgk | HS quan sát tranh 1 phần Nói trong SHS( trang 75). |  |
| - GV đặt câu hỏi cho HS trả lời : |  |  |
| + Bức tranh vẽ cảnh ở đâu ? | - Vẽ cảnh trong rừng xanh có các muôn thú. |  |
| + Cảnh buổi sáng hay buổi chiều ? | - Vẽ cảnh buổi sáng |  |
| + Dựa vào đâu mà em biết ? | - Trên trời có ông mặt trời. |  |
| + Có những con vật nào trong khu rừng ? | - Gấu, thỏ, chim, khỉ, sóc |  |
| - HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét, thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| - GV thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| - Bức tranh vẽ cảnh rừng vào buổi sáng. Có ánh mặt trời chiếu rọi. Có những con vật: chồn, gấu, lợn, sóc, thỏ,… các con vật đứng thành vòng tròn, cầm tay nhau nhảy múa. Khỉ một tay đu cành, một tay bắt bướm. Chim và bướm đang bay lượn.ảnh khu rừng vào buổi sáng thật vui nhộn. | - HS tạo nhóm |  |
| - Cho HS đọc lại chủ đề nói: ***Rừng xanh vui nhộn*** | - Đại diện nhóm lên đóng vai |  |
| ***\*. Củng cố, dặn dò*** |  |  |
| - GV cho HS thi tìm tiếng có vần *on, ôn, ơn.* | - HS thi tìm |  |
| - HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS nghe | - HS nghe |
| - Dặn HS ôn lại bài, thực hành giao tiếp ở nhà. |  |  |
|  |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Toán**

**Tiết 23: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào  
giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép cộng đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HS Đại** |
| **A. Hoạt động khởi động**  HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  *- Quan sát* bức tranh trong SGK. | *- Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: | *- Hs lắng nghe* |
| + Có 6 con chim trên cây. Có 4 con chim đang bay đến. Để biết có tất cả bao nhiêu con chim, ta thực hiện phép cộng 6 + 4 = 10. Có tất cả 10 con chim. |  |  |
| + Có 4 bạn đang chơi bập bênh. Có 4 bạn khác đang đi tới. Để biết có tất cả bao nhiêu bạn, ta thực hiện phép cộng 4 + 4 = 8. Có tất cả 8 bạn. | - Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  1,Cho HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép cộng: 4 + 3, rồi viết và đọc kết quả 4 + 3 = 7.  Tương tự HS tìm kết quả các phép cộng còn lại: 6 + 4; 5 + 4; 4 + 4. | - HS thực hiện | - HS thực hiện dưới sự hỗ trợ của bạn. |
| 2.GV chốt lại cách tìm kết quả một phép cộng (có thể hướng dẫn HS: ngoài chấm tròn có thế sử dụng que tính, ngón tay, ... để tìm kết quả phép tính). |  |  |
| 3. Hoạt động cả lớp:  - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện ở trên và nói: 4+ 3 = 7; 6 + 4 = 10; 5 + 4 = 9; 4 + 4 = 8. |  |  |
| 4.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một số tình huống. HS nêu phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng theo cách vừa học rồi gài phép cộng và kết quả vào thanh gài. | - HS tự nêu tình huống tưrơng tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng (làm theo nhóm bàn). |  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**  - Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính). | - Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi về các phép tính vừa thực hiện. Chia sẻ trước lớp. | - Hs làm bài |
| **Bài 2**  - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. |  |  |
|  |  |  |
| **Bài 3**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. | - Chia sẻ trước lớp. |  |
| - GV chốt lại cách làm. GV có thể đưa ra một vài ví dụ mẫu khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |  |  |
| **D.Hoạt động vận dụng**  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |  |
| **E.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |  |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạt động trải nghiệm**

**CHỦ ĐỀ 2: EM BIẾT YÊU THƯƠNG**

**BÀI 4: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI (tiếp)**

1. **Yêu cầu cần đạt**

* Nhận biết được hành động thể hiện sự yêu thương
* Nêu được ý nghĩa của việc thể hiện hành động yêu thương đối với con người
* Thực hiện được những hành động yêu thương trong một số tình huống giao tiếp thông thường
* Hình thành tình yêu thương, ý thức trách nhiệm
* **\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép cộng đơn giản.

1. **Đồ dùng dạy học**
2. **Giáo viên:** -Bài hát có nội dung về tình yêu thương

* Các tình huống thẻ hiện hành vi yêu thương gắn bó với đời sống thực tế của HS
* Tranh ảnh, video về các hành vi thể hiện tình yêu thương (nếu có)

1. **Học sinh:** - Nhớ lại các nội dung đã học về “Yêu thương gia đình” và “Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình” ở môn Đạo đức (nếu đã được học trước”

* Nhớ lại những hành vi yêu thương và chưa yêu thương mà các em đã trải nghiệm
* Thẻ mặt cười, mếu

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HS Đại** |
| **KHỞI ĐỘNG: 4p**  -GV tổ chức cho HS hát | -HS tham gia | -HS tham gia |
| **THỰC HÀNH: 22p**  **Hoạt động 5: Nhận xét hành động của các bạn trong tranh**  -GV yêu cầu HS quan sát kĩ từng tranh ở tình huống 1, 2 để nhận diện được tranh nào thể hiện tình yêu thương, tranh nào thể hiện sự chưa yêu thương  -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp để phân tích và nhận xét hành động của từng bạn trong các tình huống  -GV khích lệ các cặp đôi chia sẻ phân tích và nhận xét hành động của các bạn, đồng thời yêu cầu cả lớp tập trung lắng nghe tích cực để học hỏi, nhận xét, góp ý,…  -GV cùng HS nhận xét, phân tích và khẳng định cách xử lí phù hợp, thể hiện tình yêu thương con người trong tình huống 1 và phê phán thái độ thờ ơ, vô cảm của bạn trong tình huống 2  **Hoạt động 6: Chia sẻ cảm xúc**  -GV nêu câu hỏi:  1/Em cảm thấy thế nào khi thực hiện lời nói, hành động yêu thương?  2/Khi em nhận được sự yêu thương của mọi người, em cảm thấy thế nào?  -GV ghi ý kiến lên bảng. Bổ sung thêm những cảm xúc có thể có khi con người thể hiện hoặc nhận được sự yêu thương của người khác để HS nhận biết thêm những cảm xúc mà các em chưa nêu hết  -GV phân tích và tổng hợp những ý chính | -HS quan sát tranh  -HS lắng nghe, thảo luận nhóm theo yêu cầu  -HS theo dõi  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe yêu cầu  -HS chia sẻ trước lớp, nhận xét  -HS theo dõi, lắng nghe | -HS quan sát tranh  -HS lắng nghe  -HS theo dõi  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe yêu cầu  -HS theo dõi, lắng nghe |
| **VẬN DỤNG:10p**  **Hoạt động 7: Thể hiện tình yêu thương trong cuộc sống hằng ngày**  -GV yêu cầu HS thể hiện lời nói và hành vi yêu thương đối với mọi người trong gia đình  -Đồng thời thể hiện lời nói và hành vi yêu thương trong các tình huống ở trường và nơi em sống  **Tổng kết:**  -Gv yêu cầu HS chia sẻ những điều thu hoạch/ học được/ rút ra được bài học kinh nghiệm sau khi tham gia các hoạt động  -Gv nêu thông điệp: *Để cuộc sống tươi đẹp hơn, ta cần luôn yêu thương mọi người* | -HS chia sẻ  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe, nhắc lại | -HS chia sẻ  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe, nhắc lại |
| **CỦNG CỐ - DẶN DÒ: 2p**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị tiết sau | -HS lắng nghe | -HS lắng nghe |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

***Ngày soạn:23/10/2022***

***Ngày giảng: Thứ tư ngày 26 tháng 10 năm 2022***

**Tiếng việt**

**Tiết 89+90: en, ên, in, un (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vần en, ên, in, un; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần en, ên, in, un; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần en, ên, in, un; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần en, ên, in, un.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần en, ên, in, un có trong bài học.

Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật, sự việc (bác bảo vệ, học sinh, đá bóng..) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về các tình huống cần nói lời xin lỗi (sơ ý đá quả bóng vào lưng bác bảo vệ).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông thú.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ en, ên, in, un. Biết tô chữ en, ên, in, un.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Bảng con, Tranh SGK.

2.HS: Bộ đồ dùng TV, bảng con.

**III.Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS Đại** |
| **1. Hoạt động Khởi động (5p)**  **1.1. Ôn và khởi động.**  - HS hát chơi trò chơi.  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ on - ôn – ơn.  - GV nhận xét. | - HS thực hiện.  -HS lắng nghe | - HS thực hiện.  -HS lắng nghe |
| **1.1**: **Nhận biết** |  |  |
| **-** Yêu cầu HS quan sát tranh và TLCH | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |  |
| +Em thấy gì trong tranh? | - Cún con chơi ở bãi cỏ, chăm chú nhìn dế mèn,.... |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |  |
| +Tiếng có chứa âm en - ên - in - un? | - HS nêu và đọc các tiếng: cún, mèn |  |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm en - ên - in - un. Ghi bảng. | - Hs quan sát. | - Hs quan sát. |
| **2. Hoạt động Khám phá (15p): Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |  |
| **2.1.Đọc vần: en - ên - in - un:** |  |  |
| - So sánh các vần: |  |  |
| +So sánh en - ên - in - un? | - |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ên - in - un với en để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê, i, u. |  |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: en - ên - in - un. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. | - HS đọc |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần en - ên - in - un. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần en - ên - in - un. |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |  |
| - Đọc tiếng trong SHS. |  |  |
| **2.2. Đọc tiếng:** |  |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng mèn? | Lấy chữ ghi âm m ghép trước en, thêm dấu huyền trên âm e ta được tiếng mèn. |  |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. | - HS đánh vần |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng.  Khèn sen nến nghển chín mịn cún ... |  |
| - Nhắc lại luật chính tả: | - Âm ngờ đứng trước e, ê, i. Ghi bằng chữ ngờ kép. |  |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần en - ên - in - un với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần en - ên - in - un. | + HS tạo các tiếng có chứa vần en - ên - in – un dưới sự trợ giúp của gv. |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |  |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |  |
| - Đọc từ ngữ. |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. | - HS quan sát. |
| +Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Ngọn nến, đèn pin, cún con |  |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |  |
| +Tiếng nào chứa vần: en - ên - in - un? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần en - ên - in - un, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |  |
| d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ. | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |  |
| **3.2. Viết bảng.** |  |  |
| - GV đưa mẫu chữ: en - ên - in - un và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc từ e, ê, i, u với nét móc trong n và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con: en - ên - in - un, đèn, pin, nến, cún. | - HS viết vào bảng con: en - ên - in - un, dưới sự trợ giúp của cô giáo |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |  |
| **TIẾT 2** | |  | | **TIẾT 2** |
| **3.3. Viết vở (15p)** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: en - ên - in - un, viết từ ngữ: đèn pin, nến, cún (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. | - HS tô, viết chữ: en - ên - in - un, viết từ ngữ: đèn pin, nến, cún (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |  |
| **4. Hoạt động Vận dụng (15p)**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |  |
| +Tiếng nào chứa vần en - ên - in - un? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa en - ên - in - un theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |  |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. | - HS đọc |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |  |
| + Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 2 câu. |  |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |  |
| +Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chay thi với thỏ thì đã thắng? | - Trong một câu chuyện, rùa chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thi đã thắng. |  |
| +Rùa có dáng vẻ thế nào? | - Rùa có dáng vẻ già nua, ngắn ngủn. |  |
| + Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa? | - Con ba ba, nhìn qua, rất giống rùa. |  |
| +Vì sao tên gọi của con vật trong câu đố có nghĩa là “cha”? | - Tên của ba ba cũng có nghĩa là “cha" vì tiếng “cha” đồng nghĩa với “ba”, “bố”. |  |
| + Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số? | - Tên con vật có chứa chữ số, vi “ba ba” cỏ số 3 hay là số 33,.) |  |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **4.2Nói theo tranh.** |  |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: | - HS quan sát tranh |
| + Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ | - Nam và bạn đá bóng gắn cổng trường, quả bóng rơi vào lưng bác bảo vệ. |  |
| +Nam có lỗi không? | - Nam là người có lỗi. Nam phải xin lỗi bác. |  |
| +Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào? | - Có thể xin lỗi như sau: Cháu xin lỗi bản! Lần sau cháu không vô ý như thế nữa! |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, đóng vai. | - HS thực hiện.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp. Nam đá bóng vào lưng bác bảo vệ. Bắc bảo vệ nhặt quả bóng và nói: Ổ! Một quả bóng! Nam nói lời xin lỗi. |  |
| - GV và HS nhận xét.  **\*Củng cố ,dặn dò :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm en - ên - in - un. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | - HS lắng nghe | - HS lắng nghe |

**Tiếng việt**

Tiế**t 91:am, ăm, âm ( tiết 1 )**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vần am, âm, ăm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần am, âm, ăm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần am, âm, ăm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần am, âm, ăm.

- Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần am, âm, ăm có trong bài học. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm: Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm. Phát triển kĩ năng giao tiếp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ am, ăm, âm. Biết tô chữ am, ăm, âm.

**II.** **Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Tranh SGK, bảng con

2. HS. Bảng con, phấn.

**III.** **Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS ĐẠI** |
| **1.Hoạt động Khởi động (5p)**  **1. 1. Ôn và khởi động**  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ on - ôn – ơn.  - GV nhận xét | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe |
| **1.2. Nhận biết** |  |  |
|  | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |  |
| + Em thấy gì trong tranh? | - Có một chú nhện. Chú nhện chăm chú nhìn tấm lưới do mình dệt ra. Tấm lưới rất đẹp.. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. | - HS đọc |
| + Tiếng có chứa âm am - ăm - âm? | - HS nêu và đọc các tiếng: ngắm, tấm, làm. |  |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm am - ăm - âm. Ghi bảng. | - Hs quan sát. | - Hs quan sát. |
| **2. Hoạt động Khám phá (15p):Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |  |
| **1.1. Đọc vần: am - ăm - âm:** |  |  |
| - So sánh các vần: |  |  |
| + So sánh am - ăm - âm? | - |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ăm - âm với am để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, ă, â. |  |
| -GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: am - ăm - âm. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. | - HS đọc |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần am - ăm - âm. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần am - ăm - âm. |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT | - Đọc các vần vừa ghép. |
| - Đọc tiếng trong SHS. |  |  |
| **2.2.Đọc tiếng:** |  |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng làm? | Lấy chữ ghi âm l ghép trước am, thêm dấu huyền trên âm a ta được tiếng làm. |  |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |  |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SKG. |  |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần am - ăm - âm với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần am - ăm - âm. |  |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. | - HS đọc trơn |
| **3. Hoạt động Luyện tập (15p)**  **3.1.Đọc từ ngữ.** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. | - HS quan sát. |
| +Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Quả cam, tăm tre, củ sâm |  |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |  |
| +Tiếng nào chứa vần: am - ăm - âm? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần am - ăm - âm, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |  |
| -Đọc lại các tiếng, từ ngữ. | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |  |
| **3.2. Viết bảng.** |  |  |
| - GV đưa mẫu chữ: am - ăm - âm và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, ă, â với nét móc trong m và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con: am - ăm - âm, tăm, sâm | - HS viết vào bảng con: am - ăm - âm, tăm, sâm dưới sụ trợ giúp của gv. |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |  |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: 24/10/2022***

***Ngày giàng: Thứ năm ngày 27 tháng 10 năm 2022***

**Tiếng việt**

Tiế**t 92:am, ăm, âm ( tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vần am, âm, ăm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần am, âm, ăm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần am, âm, ăm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần am, âm, ăm.

- Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần am, âm, ăm có trong bài học. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm: Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm. Phát triển kĩ năng giao tiếp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ am, ăm, âm. Biết tô chữ am, ăm, âm.

**II.** **Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Tranh SGK, bảng con

2. HS. Bảng con, phấn.

**III.** **Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2** | |
| **3.3.Viết vở. (15p)** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: am - ăm - âm, viết từ ngữ: tăm tre, củ sâm chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. | - HS tô, viết chữ: am - ăm - âm, viết từ ngữ: tăm tre, củ sâm chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |  |
| **4. Hoạt động Vận dụng (15p).**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |  |
| +Tiếng nào chứa vần am - ăm - âm? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa am - ăm - âm theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |  |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |  |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. | - HS quan sát, |
| +Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 2 câu. |  |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |  |
| +Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến? | - Tiếng ve râm ran báo hiệu mùa hè đến. |  |
| + Hoa sen nở vào mùa nào? | - Hoa sen nở vào mùa hè. |  |
| +Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?... | - Trên thảm cỏ ven hó, lũ trẻ đang nô đùa,.. |  |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **4.2.Nói theo tranh.** |  |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: | - HS quan sát tranh |
| + Tranh vẽ cảnh ở đâu? | - Tranh vẽ cành ở một khu rừng. |  |
| + Em nhìn thấy các con vật nào trong tranh? | - Có suối chảy phía trên là thác. |  |
| +Mỗi con vật đang làm gì? | - Trong tranh, có hai chú nai (đang cúi xuống uống nước), chú hươu đang đứng bên bờ suối, có cá đang bơi, có vài con chim đang bay. |  |
| + Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật? | - Nai sống trong rừng. Cá sống dưới nước. Chim sống trên trời. Các loài vật khác: hươu, khi, vượn, gấu, voi, hổ,.. sống trong rừng. Chó, mèo, để, lợn,.. nuôi trong nhà. Tôm, cua, ốc,.. sống dưới nước,...). |  |
| +Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết? | - HS kể theo vốn hiểu biết. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện. Kể tên các con vật được nuôi trong nhà và giới thiệu với các bạn về một con vật trong số đó.  - Đại diện một nhóm trình bày |  |
| GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật. |  |  |
| - GV và HS nhận xét.  **\*Củng cố ,dặn dò :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm am - ăm - âm. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe. | - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... **Tiếng việt**

**Tiết 93+94. ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( 2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

-Đọc: Nắm vững cách đọc các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Nghe và nói: Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Gà nâu và vịt xám. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kỹ năng: đánh giá sự việc có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn.

- Có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ trong tuần đã học.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1. GV: Tranh SGK

2.HS: Bảng con.

**III.Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS ĐẠI** |
| **1.Hoạt động Khởi động (5p)**  **1.1. Ôn và khởi động.**  - HS hát chơi trò chơi.  - HS viết: ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.  **-** Nhận xét | - Hs viết bảng con. | - Hs viết bảng con. |
| **2. Hoạt động Luyện tập (25p)**  **2.1.Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:** |  |  |
| - GV yêu cầu HS ghép âm đầu với các âm, vần để tạo thành tiếng (theo mẫu) | - Hs ghép và đọc CN – ĐT.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | m |  |  | n | | a | am |  | o | on | | ă | ăm |  | ô | ôn | | â | âm |  | ơ | ơn | |  |  |  | e | en | |  |  |  | ê | ên | |  |  |  | i | in | |  |  |  | u | un | |  |
| - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau. | - Hs ghép và đọc CN – ĐT. | - Hs ghép và đọc |
| **b. Đọc từ ngữ:** |  |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng các từ trong SHS. | - HS đọc CN – ĐT các từ trong SGK. | - HS đọc |
| - Giải thích từ ngữ (Nếu cần) |  |  |
| Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học. |  |  |
| **2.2.Đọc đoạn** |  |  |
| - GV lần lượt đọc mẫu câu. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm câu trong SHS. |  |
| +Tìm tiếng chứa âm các vần ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm? | - Các tiếng đó là: chậm, ôn tồn, hớn hở, tham, cần mẫn, hơn hẳn. |  |
| - Tổ chức đọc các câu văn. | - HS đọc thành tiếng sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV. |  |
| +Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5 câu. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |  |
| +Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì? | - Thấy rủa, thỏ nói "Quả là chậm như rùa. |  |
| +Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chế? | - Khi bị thỏ chế, rùa vẫn ôn tồn, nhẹ nhàng, không tức giận. |  |
| + Câu nào cho thấy rùa có gắng để thi cùng thỏ? | - Ta thi nhé. |  |
| +) Kết quả cuộc thi thế nào? | - Kết quả, rùa thắng cuộc. | - Hs trả lời: Kết quả, rùa thắng cuộc. |
| +) Em học được điều gì từ nhân vật rùa? | - Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác. |  |
| - Đọc lại câu văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **2.3. Viết.** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một. | - HS viết vào Tập viết 1, tập một cụm từ: sen nở thắm hồ.  Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS. | - HS viết vào Tập viết 1, tập một cụm từ: sen nở thắm hồ. |
| - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, dấu thanh, khoảng cách giữa các con chữ. |  |
| - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi. |  |

**HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

**ÔN LUYỆN AN -ĂN -ÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Giúp HS:

- Ôn tập các vấn an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn

có vấn an, ăn, ân

- Viết đúng vấn an, ân, ăn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vấn an, ăn, ân.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học. Phát

**-** Trách nhiệm: HS có trách nhiệm với các bạn khi tham gia làm việc trong nhóm. Có ý thức thực hiện tốt nội quy lớp học.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ trong tuần đã học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- GV: Chữ mẫu, bảng phụ.

- HS: bảng con ; phấn; bộ đồ dùng; vở ô ly.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **\* Khởi động : Cho cả lớp hát vui.** |  |
| ***\**** ***Hoạt động 1: Viết bảng con***  - Gv hướng dẫn  - Yêu cầu Hs đọc từ cần viết  - GV viết mẫu: an, ăn, ân  - Cho Hs viết bảng con  ***\**** ***Hoạt động 2: Viết vở ô ly*** | - Hs quan sát  - Hs viết bảng con | - Hs quan sát  - Hs viết bảng con |
| **-** HS viết được *an, ăn, ân* và từ *bạn thân, khăn rằn* vào vở Tập viết cỡ chữ vừa. |  |  |
|  |  |  |
| - Cho HS đọc lại các vần cần viết | - *an, ăn, ân .* | - *an, ăn, ân .* |
| - GV nhận xét và nêu yêu cầu viết. |  |  |
| - HS thực hànhviếtvào vở ô ly, tập một. | - HS viết vào vở | - HS viết vào vở |
| - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng quy trình. |  |  |
| - HS nhận xét bài viết của bạn. |  |  |
| - GV nhận xét và chỉnh sửa bài cho HS. |  |  |
| ***\**** ***Hoạt động 3: Đọc câu*** |  |  |
| **-** HS trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung tranh và đoạn văn ứng dụng, đọc được câu ứng dụng có vần *an, ăn, ân* |  |  |
|  |  |  |
| - GV đọc mẫu đoạn văn *Đàn gà cứ tha thẩn gần chân mẹ // Đã có mẹ che chắn,/ cả đàn chả sợ gì lũ quạ dữ//.* | - HS nghe | - HS nghe |
| - HS đọc thầm lại đoạn văn, tìm tiếng có vần *an, ăn, ân* | - HS đọc thầm lại đoạn văn.Tiếng có vần an, ăn, ân: đàn,chắn, thẩn, gần |  |
| - HS đánh vần tiếng có *an, ăn, ân* sau đó đọc trơn tiếng. | - cá nhân, đồng thanh. |  |
| - HS đọc cá nhân, lớp đọc đồng thanh tiếng vừa tìm được. |  |  |
| - GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS. |  |  |
| - GV cho HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc, GV hỏi: |  |  |
| + Đàn gà tha thẩn ở đâu? | - Gần chân mẹ |  |
| + Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ ? | - Đã có mẹ che chắn, bảo vệ. |  |
| - Vài HS trả lời, các HS khác nhận xét. |  |  |
| - GV thống nhất câu trả lời của HS. |  |  |
| ***\*. Củng cố, dặn dò*** |  |  |
| - GV cho HS thi tìm tiếng có vần *an, ăn, ân.* | - HS thi tìm |  |
| - HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS nghe | - HS nghe |
| - Dặn HS ôn lại bài, thực hành nói lời *xin lỗi* trong cuộc sống hằng ngày. |  |  |
|  |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**ĐẠO ĐỨC**

**Chủ đề 3: Quan Tâm Chăm Sóc Người Thân Gia Đình**

**Bài 7: Quan tâm chăm sóc ông bà**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

Bài học góp phần hình thành, phát triển cho học sinh phẩm chất: nhân ái, trách nhiệm và năng lực điều chỉnh hành vi dựa trên các yêu cầu cần đạt sau:

- Nhận biết được biểu hiện và ý nghĩa của việc quan tâm, chăm sóc ông bà.

- Thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà.

- Thực hiện được những việc đồng tình với thái độ thể hiện yêu thương đối với ông bà.

- Lễ phép, vâng lời ông bà ; hiếu thảo với ông bà.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs kể được một số việc cần làm để thể hiện tình yêu thương với ông bà.

**2. Đồ dùng dạy học:**

- GV: SGK, SGV, Vở bài tập đạo đức 1.

+ Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười – mặt mếu, âm nhạc (bài hát” Cháu yêu Bà” – Sáng tác: Xuân Giao.), … gắn với bài học “Quan tâm chăm sóc Ông Bà”.

+ Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint …

- HS: Sgk, vở bài tập đạo đức.

**III. Các hoạt động dạy:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động dạy của Giáo viên.** | | **Hoạt động học của học sinh.** | | **HS Đại** |
| \* **Khởi độn**g:  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực cho học sinh và dẫn dắt học sinh vào bài học.  **Phương pháp kĩ thuật:** Trò chơi, đàm thoại.  **\* Sản phẩm mong muốn:**  - HS trả lời được câu hỏi về việc làm thể hiện được quan tâm chăm sóc ông bà.  **\* Cách tiến hành:** | | | | |
| - Giáo viên cho cả lớp hát” Cháu yêu bà”  - Giáo viên đặt câu hỏi.  + Khi nào em thấy bà rất vui?  + Tuần vừa qua, em đã làm những  việc gì đem lại niềm vui cho ông bà?  Gv: Khen ngợi học sinh.  Kết luận: Ông bà luôn cần sự quan tâm chăm sóc của con cháu. Bài hát này giúp em nhận biết biểu hiện của sự quan tâm, chăm sóc ông bà.  Gv dẫn dắt, giới thiệu bài mới,  Ghi tựa | | | - HS Hát.      - Hs trả lời: Khi cháu vâng lời bà.        - Hs lắng nghe.    - Hs lắng nghe. | - Hs hát  - Hs: em rót nước cho bà uống  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe. |
| **Hoạt động 1: Khám phá vấn đề.**  **- Mục tiêu:** HS nhận biết được những việc làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà và biết vì sao cần quan tâm, chăm sóc ông bà.  **- Phương pháp, kĩ thuật:** Quan sát, thảo luận nhóm, đàm thoại, kĩ thuật đặt câu hỏi.  **- Sản phẩm mong muốn:** HS tích cực tham gia các hoạt động học tập, trả lời được các câu hỏi nhận biết về biểu hiện ý nghĩa của những việc làm quan tâm chăm sóc ông bà.  **- Cách tiến hành:** | | | | |
| - GV treo 5 tranh ở mục Khám phá trong Sgk, chia HS thành 5 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát các tranh để trả lời câu hỏi.  + Bạn nhỏ dưới đây đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà?  - GV trình chiếu kết quả trên bảng.  Tranh 1: Bạn hỏi thăm sức khỏe ông bà.  Tranh 2: Bạn chúc tết ông bà khỏe mạnh sống lâu.  Tranh 3: Bạn mời ông uống nước.  Tranh 4: Bạn khoe ông bà vở tập viết, được cô khen viết đẹp.  Tranh 5: Bạn nhỏ cùng bố về quê thăm ông bà.  - GV hỏi:  + Vì sao cần quan tâm chăm sóc ông bà?  + Em đã quan tâm, chăm sóc Ông Bà bằng những việc làm nào?  - GV khen ngợi những học sinh có những câu trả lời đúng, nêu được nhiều việc phù hợp, chỉnh sửa các câu trả lời chưa đúng.  Kết luận: Những việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, hỏi thăm sức khỏe Ông Bà, chăm sóc ông bà khi ốm, chia sẻ niềm vui với ông bà, nói những lời yêu thương đối với ông bà. | | | - HS chia nhóm, quan sát và thảo luận trả lời câu hỏi.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luật của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.                - HS suy nghĩ trả lời cá nhân.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.          - HS lắng nghe. | - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe. |
| **Hoạt động 2.** **Luyện tập:**  **Mục tiêu:**   * HS nhận biết được việc nào nên làm hoặc không nên làm để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà. * HS nêu được những việc làm cụ thể, thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà.   **- Phương pháp, kỹ thuật:** Quan sát, thảo luận nhóm, vấn đáp.  **- Sản phẩm mong muốn:** - Hs Biết những việc nào nên làm và không nên làm để thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà.  - HS có kết quả thích lí do chọn những việc làm và không nên làm để thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà.  - Chia sẻ với bạn về những việc làm của mình thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà.  - Hình thành được thói quen tốt thể hiện sự quan tâm, vâng lời ông bà.  **a. Em chọn việc nên làm.** | | | | |
| - GV chia HS thành các nhóm (4 HS).  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát kĩ các tranh 1,2,3,4,5 (SGK trang 23) trên bảng.  Tranh 1: Bạn gọi điện hỏi thăm sức khỏe ông bà.  Tranh 2: Bạn quan tâm, bóp vai cho ông.  Tranh 3: Bạn quan tâm, chải tóc cho bà.  Tranh 4: Bà ốm, hai chị em không thăm hỏi, lại cãi nhau cho bà mệt thêm.  Tranh 5: Bạn bê đĩa hoa quả lễ phép mời ông bà.  - GV quan sát, gợi ý các nhóm thảo luận.  - GV yêu cầu 3 nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác quan sát, nhận xét bổ sung.    + Việc nào nên làm?                  + Việc nào không nên làm? Vì sao?  - GV nhận xét tuyên dương nhóm trả lời đúng, chốt ý. Nhận xét phần thảo luận của HS.  Kết luận: Thường xuyên hỏi thăm sức khỏe, bóp vai cho Ông, chải tóc cho Bà, lễ phép mời Ông Bà ăn hoa quả… Thể hiện sự quan tâm chăm sóc Ông Bà. Hành vi hai chị em cãi nhau ầm ĩ bên giường Bà ốm là biểu hiện sự thờ ơ chưa quan tâm tới Ông Bà. | | | - HS ngồi theo nhóm (4 HS).                - HS quan sát rồi thảo luận 2 phút.    - HS lắng nghe thảo luận nhóm các câu hỏi.  - HS gắn mặt cười (vào tranh nên làm).(tranh 1, 2, 3, 5)  - HS lên gắn mặt mếu vào tranh không nên làm (tranh 4).  - Các nhóm tiến hành theo hướng dẫn của GV  - HS 3 nhóm nêu ý kiến vì sao chọn việc nên làm ở tranh 1, 2, 3,5:  Tranh 1: Bạn gọi điện hỏi thăm sức khỏe ông bà.  Tranh 2: Bạn quan tâm, bóp vai cho ông.  Tranh 3: Bạn quan tâm, chải tóc cho bà.  Tranh 5: Bạn bê đĩa hoa quả lễ phép mời ông bà.  - Không nên chọn việc làm ở tranh 4.  Tranh 4: Bà ốm, hai chị em không thăm hỏi, lại cãi nhau cho bà mệt thêm.  - Nhận xét.    - HS lắng nghe, ghi nhớ, | - Hs lắng nghe. |
| **b. Chia sẻ cùng bạn** | | | |  |
| - GV đặt câu hỏi: Em đã quan tâm, chăm sóc Ông Bà bằng những việc làm nào?  - Yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân (1 phút).  - Yêu cầu HS chia sẻ nhóm đôi (1 phút).  - Đại diện ba nhóm lên trình bày trước lớp.  - Yêu cầu các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét và khen ngợi những bạn biết quan tâm, chăm sóc ông bà. | - HS suy nghĩ cá nhân.    - HS chia sẻ nhóm đôi qua việc làm thực tế của mình.  - HS trình bày.    - Nhận xét. | | | - Hs lắng nghe. |
| **Hoạt động 3. Vận dụng:**  **- Mục tiêu:** + HS thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà bằng những việc làm vừa sức phù hợp với lứa tuổi.  + Lễ phép, vâng lời ông bà ; hiếu thảo với ông bà.  **- Phương pháp, kĩ thuật:** Phương pháp quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, đóng vai xử lí tình huống.  **- Sản phẩm mong muốn: +** Thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà bằng những việc làm vừa sức phù hợp với lứa tuổi.  + Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà.  **a. Đưa ra lời khuyên cho bạn.** | | | | |
| - GV giới thiệu tranh tình huống: Bạn trai trong tranh cần cầm quả bóng đi chơi khi ông bị đau chân và đang leo cầu thang.  - GV yêu cầu HS quan sát trên bảng (hoặc SGK).  - GV đặt câu hỏi: Em sẽ khuyên bạn điều gì?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (hai bạn 1 bàn) để đưa ra lời khuyên cho bạn.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày.  - Gọi nhóm bạn nhận xét – GV nhận xét.  - Khen ngợi những HS có lời khuyên hay nhất.  - GV kết luận: Em nên hỏi han quan tâm dìu dắt ông lên cầu thang, không nên vô tâm bỏ đi chơi như vậy. | - HS lắng nghe.        - HS quan sát.    - HS lắng nghe.    - HS thảo luận nhóm đôi.      - HS Trình bày.  - HS nhận xét | | | - Hs lắng nghe. |
| **b. Em thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà bằng những việc làm vừa sức phù hợp với lứa tuổi.** | | | | |
| - GV đưa tình huống.  + Tình huống 1:  Bà bị ốm, Em làm gì để chăm sóc bà?  + Tình huống 2: Ăn cơm xong, Mẹ lấy trái cây lên, em làm gì để thể hiện sự quan tâm đối với Ông Bà?  - GV yêu cầu học sinh đóng vai xử lí tình huống.  Nhóm 1, 2: Tình huống 1.  Nhóm 3, 4: Tình huống 2.  - Đai diện 2 nhóm nên trình bày 2 tình huống.  - Các nhóm còn lại quan sát, nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận: Em có thể làm đc nhiều việc thể hiện hiên sự quan tâm, chăm sóc Ông bà thường xuyên gọi điện thăm hỏi sức khỏe Ông Bà (nếu không sống cùng Ông Bà), mời Ông Bà ăn hoa quả, nước, chia sẻ niềm vui của mình đối với Ông Bà,…  **\* Tổng kết:**  GV chiếu câu thông điệp:  Quan tâm chăm sóc ông bà  Biết ơn, hiếu thảo - em là cháu ngoan.  Gọi vài HS đọc  - Nhận xét tiết học.  - Dặn về nhà chuẩn bị bài tiếp theo:  Bài 8. Quan tâm chăm sóc cha mẹ. | - Hs sinh quan sát, lắng nghe.          - HS thảo luận đóng vai xử lí tình huống được giao.    - HS trình bày.  - Quan sát, nhận xét.    \_ Học sinh lắng nghe.                2-3 HS đọc câu thông điệp  Cả lớp đọc đồng thanh.    - HS lắng nghe, ghi nhớ. | | | - Hs lắng nghe. |

**Tiếng việt**

**Tiết 93+94. ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( 2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

-Đọc: Nắm vững cách đọc các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Nghe và nói: Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Gà nâu và vịt xám. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kỹ năng: đánh giá sự việc có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn.

- Có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ trong tuần đã học.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1. GV: Tranh SGK

2.HS: Bảng con.

**III.Hoạt động dạy học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT 2** | | **Hs Đại** |
| **3. Hoạt động Vận dụng: Kể chuyện**  **3.1.Văn bản:** Gà nâu và vịt xám. |  |  |
| **3.2.GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện. | -Hs lắng nghe giáo viên kể chuyện. | - Hs lắng nghe. |
| Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. | - HS trả lời. |  |
|  | Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn. |  |
| 1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai? | - Gà nâu và vịt xám. |  |
| 2. Hằng ngày, đôi bạn gà nấu và vịt xám làm gì? | - Hằng ngày, chúng ríu rít vượt sông cạn để kiếm ăn. |  |
|  | Đoạn 2: Từ Một năm đến có mình rồi mà. |  |
| 3. Chuyện gì xảy ra khiến gà nâu không thể sang sông? | - Một năm, nước lớn, vịt vẫn sang sông được nhưng gà nâu thì đành chịu. |  |
| 4. Ai đã an ủi gà nâu lúc khó khăn? | - Cậu đừng lo, đã có mình rồi mà! |  |
|  | Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trở lại. |  |
| 5. Vịt đã giúp gà bằng cách nào? | Thế là ngày ngày, vịt lầm lùi tìm thức ăn mang về phần bạn. |  |
| 6. Vì sao gà nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn? | - Biết vịt chăm lo cho mình, gà cảm động lắm. Nhưng vốn ngại làm phiến, gà bèn nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn. |  |
|  | Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. |  |
| 7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì? | - Cậu vất vả quả. Việc ấp trứng, cứ để minh làm cho. |  |
| 8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng? | Thời gian trôi đi, lâu dần, vịt không còn nhớ tới việc ấp trứng nữa. |  |
| - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. |  |  |
| **3.3.HS kể chuyện:** |  |  |
| - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. | - Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. | - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **\*Củng cố , dặn dò:**  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện. Ở tất cả các bài, truyện kể không nhất thiết phải đầy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | -Hs lắng nghe và thực hiện. | - Hs lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: 25/10/2022***

***Ngày giàng: Thứ sáu ngày 28 tháng 10 năm 2022***

**Tiếng việt**

**TIÊT 95: ÔN LUYỆN TUẦN 7 ( tiết 1)**

**Luyện đọc, luyện viết on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

-Nắm vững cách đọc các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.

- Viết: Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ trong tuần đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt. Vở ooly.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS Đại** |
| **1. Ôn đọc: ( tiết 1)**  - GV ghi bảng.  on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm;  - Đọc các tiếng, từ câu có các vần trên  - GV nhận xét, sửa phát âm  **2. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp. | - Hs đọc |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**Tiết 23: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào  
giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép cộng đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HS Đại** |
| **A. Hoạt động khởi động**  HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  *- Quan sát* bức tranh trong SGK. | *- Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: | *- Hs lắng nghe* |
| + Có 6 con chim trên cây. Có 4 con chim đang bay đến. Để biết có tất cả bao nhiêu con chim, ta thực hiện phép cộng 6 + 4 = 10. Có tất cả 10 con chim. |  |  |
| + Có 4 bạn đang chơi bập bênh. Có 4 bạn khác đang đi tới. Để biết có tất cả bao nhiêu bạn, ta thực hiện phép cộng 4 + 4 = 8. Có tất cả 8 bạn. | - Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  1,Cho HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép cộng: 4 + 3, rồi viết và đọc kết quả 4 + 3 = 7.  Tương tự HS tìm kết quả các phép cộng còn lại: 6 + 4; 5 + 4; 4 + 4. | - HS thực hiện | - HS thực hiện dưới sự hỗ trợ của bạn. |
| 2.GV chốt lại cách tìm kết quả một phép cộng (có thể hướng dẫn HS: ngoài chấm tròn có thế sử dụng que tính, ngón tay, ... để tìm kết quả phép tính). |  |  |
| 3. Hoạt động cả lớp:  - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện ở trên và nói: 4+ 3 = 7; 6 + 4 = 10; 5 + 4 = 9; 4 + 4 = 8. |  |  |
| 4.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một số tình huống. HS nêu phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng theo cách vừa học rồi gài phép cộng và kết quả vào thanh gài. | - HS tự nêu tình huống tưrơng tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng (làm theo nhóm bàn). |  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**   * - Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm kết quả). * Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau; đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. | - Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi về các phép tính vừa thực hiện. Chia sẻ trước lớp. | - Hs làm bài |
| **Bài 2**   * - Cá nhân HS tự làm bài 2: Thực hiện tính cộng để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có sổ chỉ kết quả thích hợp; Chia sẻ trước lớp. * GV chốt lại cách làm bài. Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” đề gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |  |  |
|  |  |  |
| **Bài 3**   * - Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.   a) Hai đội chơi kéo co. Bên trái có 5 bạn. Bên phải có 5 bạn. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là 5 + 5 = 10.  b) Có 7 bạn đang trồng cây. Thêm 2 bạn cầm bình tưới đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là 7 + 2 = 9.  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách cúa các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. | - Chia sẻ trước lớp. |  |
|  |  |  |
| **D.Hoạt động vận dụng**  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |  |
| **E.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |  |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHL TUẦN 8 + HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Sinh hoạt sao: Sơ kết tuần, lập kế hoạch tuần mới**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 2: Chúc mừng và học hỏi các bạn đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan của lớp”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II.Đồ dùng**

- GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…

- HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. Các hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Ổn định tổ chức:**  **-** GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sinh hoạt theo chủ đề “**Chúc mừng và học hỏi các bạn đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan của lớp”  **-** GV chúc mừng và đọc tên những Sao nhi đồng chăm ngoan của lớp.  **-** Tuyên dương các bạn.  **-** Tổ chức lớp thi hát văn nghệ.  **\*ĐÁNH GIÁ**  **a. Cá nhân tự đánh giá:**  **-** Đánh giá theo các 3 mức độ sau: Tốt, Đạt, Cần cố gắng.  **b. Đánh giá theo tổ/ nhóm:**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  **c) Đánh giá chung của GV:**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **3.Củng cố - dặn dò:**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | **-**HS hát một số bài hát.  **-** HS kê bàn.  **-** HS tham gia.  **-** HS thảo luận.  **-** HS chia sẻ.  -HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe. |

**Tiếng việt**

**TIÊT 96: ÔN LUYỆN TUẦN 7 ( tiết 2)**

**Luyện đọc, luyện viết on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

-Nắm vững cách đọc các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.

- Viết: Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

**\*Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn chữ trong tuần đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt. Vở ooly.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS Đại** |
| **2. Viết: ( tiết 2)**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  - Viết mỗi vần 1 dòng  on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.  - Viết từ con chồn, thờn bơn, lá sen, khăn len mỗi từ viết 1 dòng  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. | - Hs viết vào vở dưới sự trợ giúp của cô giáo |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................